

Bản án số: 119/2019/HS-ST

Ngày: 29 - 8 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Cán bộ Hưu trí Phường 1, Quận 8.

2/ Ông Vũ Minh Hoàng – Phó Bí thư Quận Đoàn 8.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 121/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 138/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L; giới tính: Nam; sinh ngày: 11/01/2004 (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là 15 tuổi 18 ngày); tại Trà Vinh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp B, xã HM, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: 357/22/60 Đường T, phường Đ, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến nay. (có mặt)

2. Lâm Tấn M; giới tính: Nam; sinh ngày: 25/11/2002 (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là 16 tuổi 02 tháng 04 ngày); tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: 137/4/7 đường A, phường Đ, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lâm Tấn S và bà Lê Ánh P; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến nay. (có mặt)

3. Trần Tấn H; giới tính: Nam; sinh ngày: 11/4/2003 (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là 15 tuổi 09 tháng 18 ngày); tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 162A đường V, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 62 Đường X, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lý Q và bà Trần Thị L1; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến nay. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn L:* Bà Phạm Thị T1; sinh năm: 1970; nơi cư trú: 357/22/60 đường T, Phường Đ, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lâm Tấn M:* Ông Lâm Tấn S; sinh năm: 1977 và bà Lê Ánh P; sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: 137/4/7 đường A, Phường Đ, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Tấn H:* Bà Trần Thị L1; sinh năm: 1977; nơi cư trú: 62 Đường X, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L:* Ông Đào Kim L2 – Luật sư Công ty Luật TNHH An Thuận Phát, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Tấn M, bị cáo Trần Tấn H:* Bà Lê Thị Ngọc N1 – Luật sư Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Thân, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Trần Thanh C; sinh năm: 1983; nơi cư trú: 78/19 Nguyễn Lâm, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Phạm Thị T1; sinh năm: 1970; nơi cư trú: 357/22/60 đường T, Phường Đ, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bà Trần Thị L1; sinh năm: 1977; nơi cư trú: 62 Đường X, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3/ Anh Trần Tấn G; sinh năm: 1999; nơi cư trú: 62 Đường X, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L, Lâm Tấn M, Trần Tấn H và Nguyễn Ngọc Đăng K có mối quan hệ bạn bè và không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 01 giờ 00 ngày 29/01/2019, tại quán nước gần bệnh viện Chợ Rẫy, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, L rủ M, H và K đi cướp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài, cả 3 đều đồng ý. Thực hiện ý định trên, L đi mua 02 con dao Thái Lan cất trong xe máy biển số 84B1-603.37. Đến khoảng 02 giờ, L gặp M, H và K tại chung cư Lò Gốm, Phường 11, Quận 6, L cầm 01 con dao đi cùng xe với M, L đưa 01 con dao cho K để đi cùng xe với H. Khi đi đến giữa cầu Số 3, Phường 15, Quận 8, L phát hiện chị Trần Thanh C đang điều khiển xe máy đi ngược chiều nhóm của L, L kêu cả nhóm quay lại đuổi theo chị C. Đến số 28 Bình Đức, Phường 15, Quận 8 thì M áp sát bên trái chặn đầu xe chị C để L kề dao vào cổ và đe dọa chị C, cùng lúc H áp sát xe chị C để K kề dao vào cổ chị C làm chị C hoảng sợ bước xuống xe. L đưa dao cho M cầm rồi mở cốp xe chị C kiểm tra tài sản nhưng không có tài sản có giá trị, M giật 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn của chị C. Sau đó, M và K đưa dao lại cho L, M lấy xe của chị C chạy đi rồi cả nhóm tẩu thoát đi về Khách sạn Hoàng Anh, Quận 6 để ngủ, trên đường đi đến địa điểm trên L đã ném bỏ 02 con dao (không rõ địa điểm). Đến 11 giờ cùng ngày, M chở K đi bán số trang sức cướp được nhưng không ai mua. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L tháo biển số xe chị C rồi liên hệ chị Nguyễn Hồ Hoàng Y mua chiếc xe trên. Bán chiếc xe được 8 triệu đồng, Y đưa trước cho L 5 triệu đồng. L chia cho M và K mỗi người 2 triệu đồng, còn L và H mỗi người 500.000 đồng. Cùng ngày chị C đến Công an Phường 15, Quận 8 trình báo sự việc. Qua điều tra, chị Nguyễn Hồ Hoàng Y nộp lại chiếc xe gắn máy của chị C.

Ngày 18/02/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận xác định giá trị của chiếc xe máy của chị C là: 32.940.000 đồng.

Nguyễn Ngọc Đăng K đã bỏ trốn, ngày 03/7/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định truy nã.

Nguyễn Hồ Hoàng Y đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, hiện nay không xác định được Y ở đâu.

Vật chứng thu giữ

01 xe máy Honda Vision không biển số, số máy: JF66E0843590, số khung: RLHJF5816GY806370 là xe của chị C. Ngày 16/5/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả xe gắn máy trên cho chị C. Chị C khai số trang sức bị cướp là trang sức giả, giá trị không đáng kể. Chị C không yêu cầu bồi thường gì và có đơn bãi nại cho các bị cáo.

01 xe máy Biển số 84B1-603.37 có số máy JA39E0463398, số khung 3906HY488356 qua xác minh xe trên là của bà Phạm Thị T1 (mẹ của L). Vào ngày 28/01/2019, bà Tiến cho L mượn xe để đi chơi, không biết L sử dụng xe để

cướp tài sản. Ngày 03/7/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả xe cho bà Tiến;

01 xe gắn máy biển số 59P1-776.20, số máy: JC52E-6048329, số khung: RLHJC5253DY-014712 qua xác minh xe này do bà Trần Thị L1 (mẹ của H) mua vào năm 2015 và nhờ anh Trần Tấn G đứng tên chủ sở hữu. Việc H dùng xe trên để đi cướp tài sản, bà L1 và anh G không biết. Ngày 03/7/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe cho bà L1.

Ngày 04/7/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 nhập kho vật chứng số tiền 1 triệu đồng do bà Phạm Thị T1 và bà Trần Thị L1 giao nộp thay cho L và H;

02 con dao là hung khí các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKS ngày 22/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Phạm Văn L, Lâm Tấn M và Trần Tấn H về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”, xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn L 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù theo điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, các điều 54, 58, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Lâm Tấn M từ 04 năm đến 05 năm tù theo điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58, 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Trần Tấn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58, 65, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Minh nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L trình bày: Đồng ý với nội dung của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị

cáo L, đồng thời các bị cáo phạm tội có thể do tác động của chị Nguyễn Ngô Hoàng Y. Bị cáo L là người nhỏ tuổi nhất nên không thể cầm đầu, xúi giục các bị cáo khác phạm tội. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo L dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, việc cơ quan tiến hành tố tụng cho bị cáo L đối chất với chị Y, không có người bào chữa tham gia là vi phạm tố tụng.

Người bào chữa cho các bị cáo Lâm Tấn M, Trần Tấn H trình bày: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử các bị cáo Minh, Hoài mức án nhẹ và cho bị cáo Hoài được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo trở thành công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Khi Cơ quan điều tra Công an Quận 8 cho bị cáo Phạm Văn L đối chất với chị Nguyễn Hồ Hoàng Y thì có sự tham gia của mẹ bị cáo L là bà Phạm Thị T1 và thời điểm này người bào chữa cho bị cáo L chưa tham gia bào chữa nên việc đối chất không vi phạm tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, khoảng 02 giờ 00 ngày 29/01/2019, Lâm Tấn M chở Phạm Văn L, Trần Tấn H chở Nguyễn Ngọc Đăng K tìm tài sản để cướp. Khi đến trước số 28 Bình Đức, Phường 15, Quận 8 thì phát hiện chị Trần Thanh C điều khiển xe gắn máy biển số 59S2-95392 nên M chở L áp sát chặn đầu xe chị C, L bước xuống kẻ dao vào cổ chị C, cùng lúc H chở K tới, K bước xuống kẻ dao vào cổ chị C. Làm chị C hoảng sợ bước xuống xe, không thể chống cự và để M chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 chiếc nhẫn rồi đưa cho L và M lên xe gắn máy biển số 59S2-95392 điều khiển đi. Các đồ trang sức là giả nên giá trị không đáng kể, xe gắn máy biển số 59S2-95392 trị giá 32.940.000 đồng. Các bị cáo dùng dao để chiếm đoạt tài sản là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là có đồng phạm nhưng chỉ mang tính giản đơn, nhất thời, không có tổ chức. Trong đó người rủ rê, xúi giục thực hiện hành vi phạm tội là bị cáo L.

[4] Xét thấy, bị cáo L là người nhỏ tuổi nhất nhưng bị cáo là người rủ rê, xúi giục các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội và các bị cáo đều dưới 18 tuổi. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc người bào chữa cho rằng bị cáo L nhỏ nhất nên không xúi giục các bị cáo khác là không có cơ sở.

[5] Xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, bị hại đã bãi nại cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Xét thấy, bị cáo L và bị cáo H phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo này cần áp dụng Điều 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo M phạm tội khi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo M cần áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Xét thấy, các bị cáo H, M có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo H, M. Đối với bị cáo L là người rủ rê, xúi giục, trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa, chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo L. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị xử bị cáo L dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của người bào chữa cho bị cáo L.

[8] Xét thấy, bị cáo H có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo tham gia phạm tội với vai trò là giúp sức, mới phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[9] Xét thấy, các bị cáo dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Xét thấy, bị cáo L và H thu lợi bất chính mỗi bị cáo là 500.000 đồng và gia đình các bị cáo đã nộp lại số tiền này. Bị cáo M thu lợi bất chính 2.000.000 đồng và chưa nộp lại nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo M nộp lại số tiền này.

[11] Đối với Nguyễn Ngọc Đăng K đã bỏ trốn, ngày 03/7/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

[12] Đối với Nguyễn Hồ Hoàng Y, ngoài lời khai của L, không có căn cứ xác định Y phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hiện nay không xác định được Y ở đâu, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 tiếp tục truy tìm khi nào phát hiện sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[14] Về vật chứng vụ án:

[14.1] Các xe gắn máy Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã trả cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết.

[14.2] Số tiền 1.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do gia đình bị cáo L, Hoài nộp lại nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Lâm Tấn M, Trần Tấn H phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, các điều 58, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2019.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58, 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lâm Tấn M 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2019.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58, 65, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn H 03 (năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Tấn H nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Trần Tấn H cho Ủy ban nhân dân Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về thu lợi bất chính: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Buộc bị cáo Lâm Tấn M nộp lại 2.000.000 (hai triệu) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 184/PNK ngày 04/7/2019 của Cơ quan Công an Quận 8 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/7/2019).

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo và nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận 8; (2)
- Chi cục THADS Quận 8; (1)
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS (PC.53); (1)
- Cơ quan điều tra Công an Quận 8 (Đội ĐTTH); (1)
- Nhà tạm giữ Quận 8; (3)
- Thi hành án hình sự; (10)
- Bị cáo; (3)
- Những người tham gia tố tụng khác; (6)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (32)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp